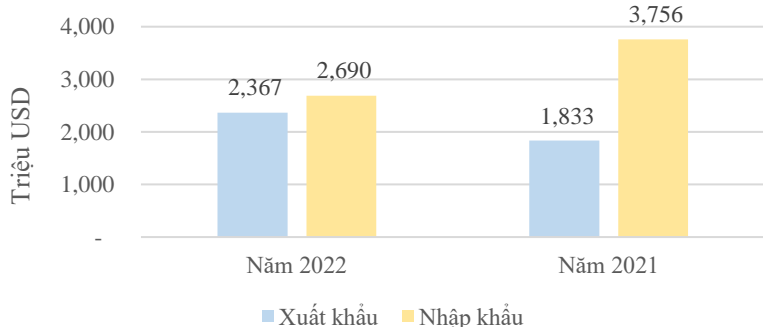


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường ASEAN



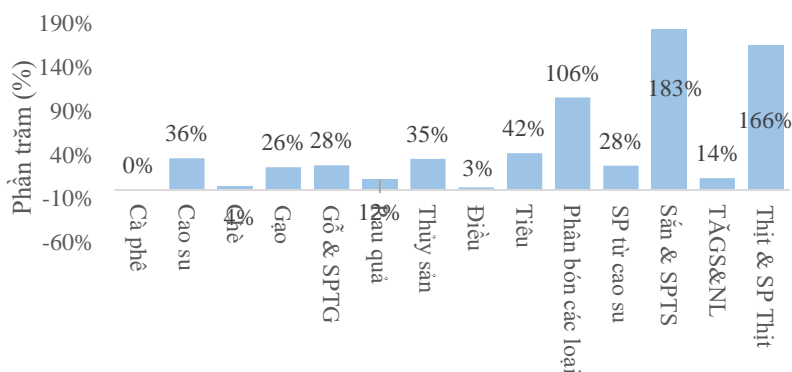
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - ASEAN



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (6T/ 2022 – 6T/ 2021)

Xuất khẩu ▲ 29,13%  
Nhập khẩu ▼ 28,38%

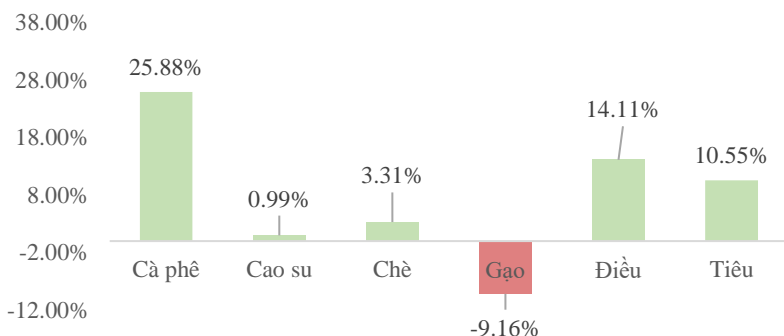
Biến động Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang ASEAN năm 2022/21



So sánh 6T-2021/ 2020

Cà phê ▲ 00,23%  
Cao su ▲ 36,41%  
Chè ▲ 03,78%  
Gạo ▲ 26,11%  
Gỗ và SP Gỗ ▲ 28,22%  
Rau quả ▲ 12,13%  
Thủy sản ▲ 35,49%  
Hạt điều ▲ 02,84%  
Hạt tiêu ▲ 42,02%  
Phân bón ▲ 105,6%  
SP từ cao su ▲ 27,87%  
Sản & SP sản ▲ 183,4%  
TĂGS và NL ▲ 13,57%  
Thịt và SP thịt ▲ 165,7%

Biến động giá xuất khẩu BQ năm 2022/2021



So sánh giá xuất khẩu BQ T6-2022/2021

Cà phê ▲ 25,88%  
Cao su ▲ 00,99%  
Chè ▲ 03,31%  
Gạo ▼ 09,16%  
Hạt điều ▲ 14,11%  
Hạt tiêu ▲ 10,55%

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,49% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt hơn 2,3 tỷ USD, tăng 29,13% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt 2,7 tỷ USD, giảm 28,38% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 6/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 473,4 triệu USD, giảm 3,68% so với tháng trước và tăng 55,16% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 6/2022 là gạo (chiếm 42%), thủy sản (chiếm 16%), phân bón các loại (chiếm 10%), hàng rau quả (chiếm 8%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 7%). So với tháng 6/2021, có 12/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 275,97%), cao su (tăng 103,75%), gạo (tăng 101,55%), hàng rau quả (tăng 92,92%), hàng thủy sản (tăng 64,47%). Cá phê là sản phẩm duy nhất có giá trị xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước (giảm 28,03%). *Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan, từ ngày 1/2 đến ngày 21/7, Thái Lan đã xuất khẩu 64.903 chuyên hàng trái cây tươi sang thị trường Trung Quốc, với tổng khối lượng 1,16 triệu tấn trái, đạt 92 tỷ hạt, tương đương 2,53 tỷ USD. Trong đó, khối lượng sầu riêng đạt 670.000 tấn sầu riêng, đạt trị giá 72 tỷ hạt, tương đương 1,98 tỷ USD. Hiện Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan đã triển khai chính sách chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử, hay còn gọi là e-Phyto, nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu trái cây sang thị trường Trung Quốc.

Philippines và Nhật Bản đang chung tay thực hiện một dự án kéo dài 5 năm nhằm nâng cao chuỗi giá trị rau ở Philippines. Mục đích nhằm cải thiện chuỗi giá trị rau, tăng năng suất và thu nhập cho người nông dân, đồng thời đảm bảo an ninh lương thực cho người dân Philippines.

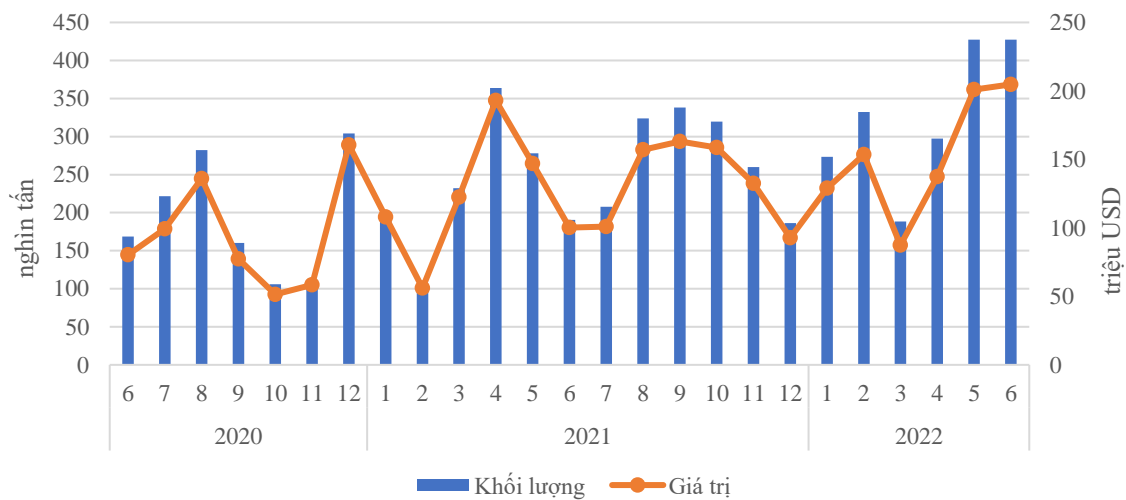
Nhập khẩu thịt heo của Philippines trong năm nay có thể tăng 2,71% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 341.000 tấn để giải quyết sự thiếu hụt nguồn cung trong nước do dịch ASF gây ra, FAO cho biết trong một báo cáo triển vọng nửa năm. Tình trạng tái đàn chậm của các trang trại nuôi heo sau sự lây lan của virus ASF đã thúc đẩy quốc gia Đông Nam Á tăng nhập khẩu. “Nhập khẩu của Philippines được dự báo sẽ tăng khoảng 3%, do sự phục hồi chậm hơn so với dự đoán của đàn heo trong nước từ virus ASF”, FAO cho hay. Bất chấp triển vọng khá lạc quan về sự phục hồi đàn heo của Philippines, FAO dự báo rằng sản lượng heo địa phương của nước này sẽ tăng nhẹ trong năm nay lên 1,192 triệu tấn so với mức 1,118 triệu tấn của năm ngoái. Tổng lượng heo cho giết mổ ước tăng nhẹ lên 1.531 tấn so với 1.518 tấn của năm 2021.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 427,4 nghìn tấn gạo, trị giá 204,8 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 0,04% về khối lượng và 1,9% về giá trị so với tháng trước; và tăng 124,4% về khối lượng và 104,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 1946,0 nghìn tấn, trị giá 912,8 triệu USD, tăng 42,2% về khối lượng và 25,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

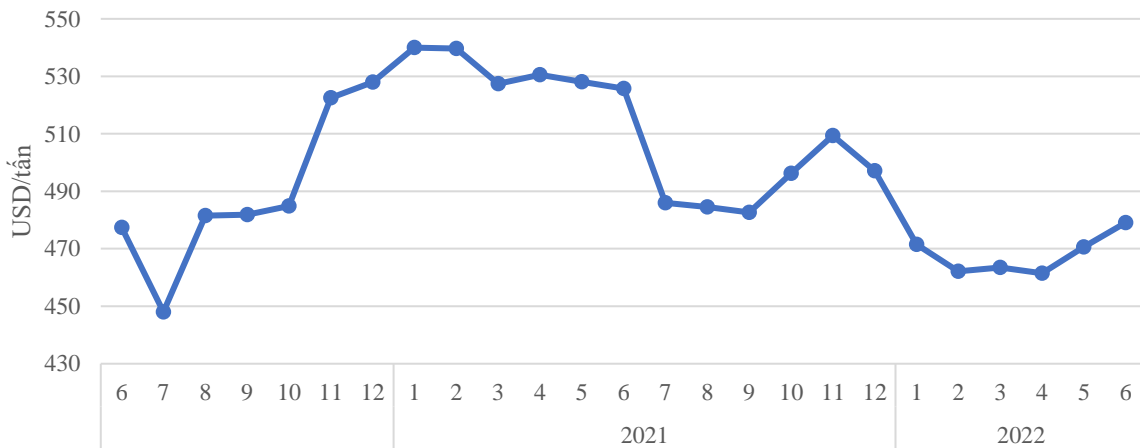
**Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 6/2022 đạt 479,1 USD/tấn, tăng 1,8% so với tháng trước và giảm 8,9% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN**

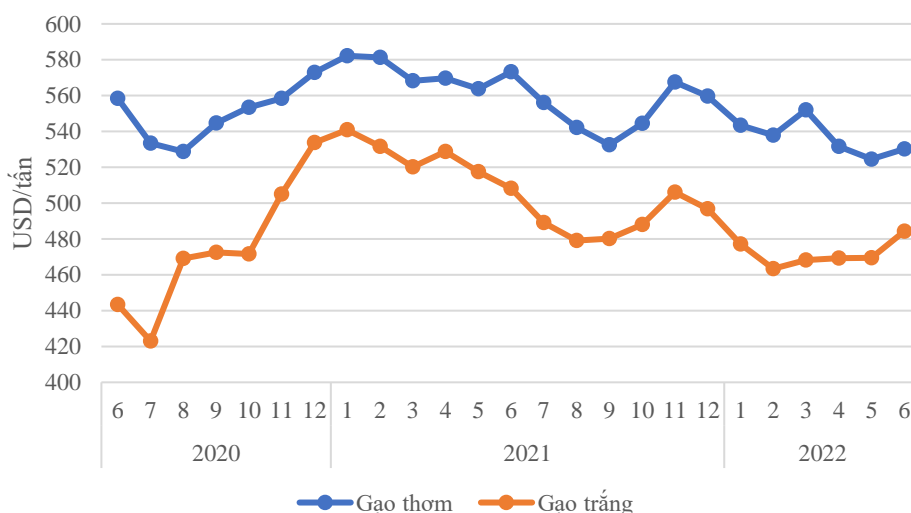


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 6/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN đạt 279,6 nghìn tấn, trị giá 132,2 triệu USD, chiếm 65,4% về khối lượng và 64,6% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã tăng 169,4% về khối lượng và 147,1% về giá trị.

Giá gạo trắng tháng 6/2022 đạt trung bình 484,3 USD/tấn, tăng 3,2% so với tháng trước nhưng giảm 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 530,2 USD/tấn, tăng 1,1% so với tháng trước nhưng giảm 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3. Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN**



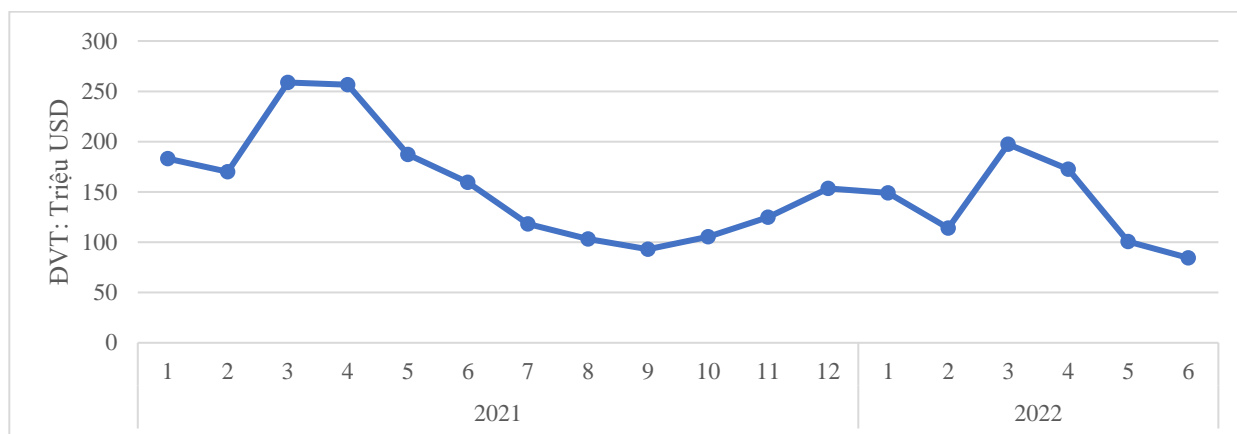
Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 2. RAU QUẢ

Trong hai ngày, 15-16/7/2022, trang trại Chokchai, huyện Pak Chong, tỉnh Nakhon Ratchasima, Thái Lan đã tổ chức lễ trao giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý sầu riêng Pak Chong-Khao Yai (thuộc giống Mon Thong, thịt ngọt và mềm, không có mùi hắc) cho 39 trang trại tại các huyện Pak Chong và Khao Yai.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 6 năm 2022 đạt 36,6 triệu USD, chiếm 14,1% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 29,2% so với tháng trước và tăng 95,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 151,4 triệu USD, chiếm 9,0% thị phần, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN**

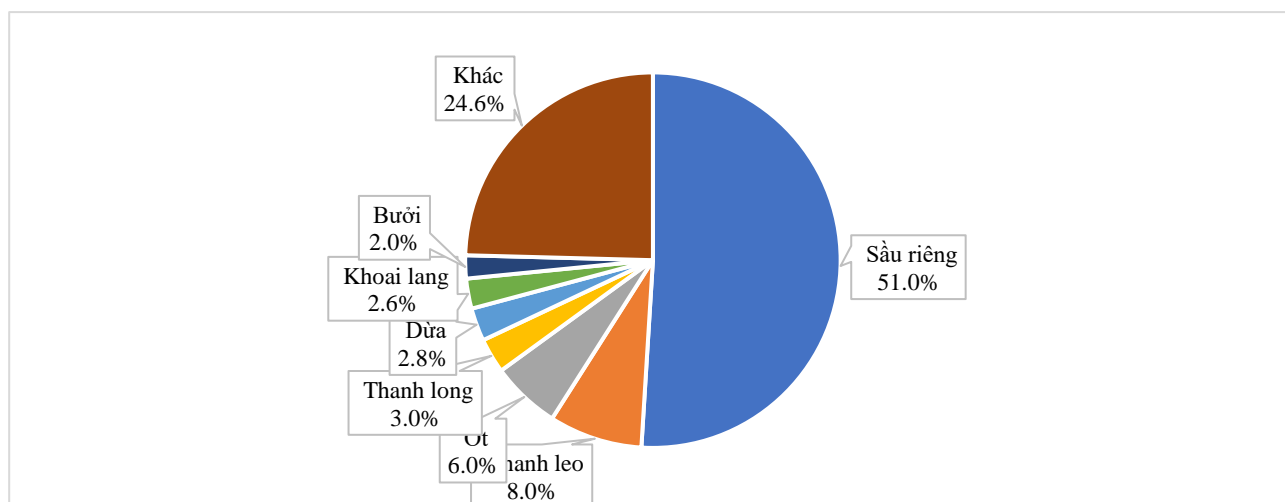


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 6 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 32,2 triệu USD (chiếm 88,1% thị phần, tăng 111,4% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 4,3 triệu USD (chiếm 11,9% thị phần), tăng 26,4%, trong đó: (i) rau chế biến (không đông lạnh – Mã HS:2005) đạt 1,4 triệu USD (tăng 49,4% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,3 triệu USD (giảm 12,3%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 975,3 nghìn USD (tăng 55,0%); v.v.

Trong tháng 6 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 18,6 triệu USD (chiếm 51,0% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 204,7% so với cùng kỳ năm 2021; chanh leo đạt 2,9 triệu USD (chiếm 8,0%), tăng 249,4%; ớt các loại đạt 2,2 triệu USD (chiếm 6,0%), tăng 86,3%; thanh long đạt 1,1 triệu USD (chiếm 3,0%), tăng 151,3%; dứa đạt 1,0 triệu USD (chiếm 2,8%), tăng 3,0%; v.v.

**Hình 5. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 6/2022**



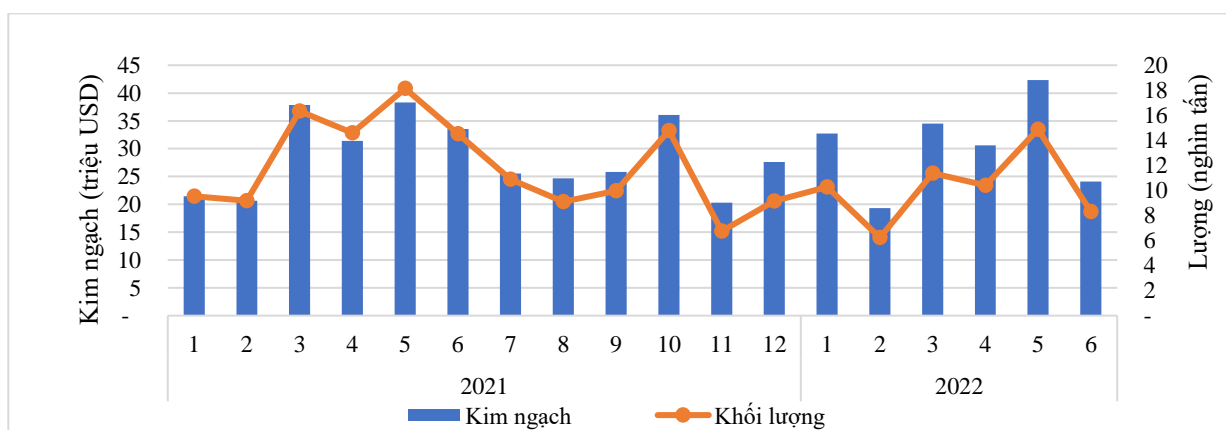
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 6 năm 2022 đạt 24,4 triệu USD, chiếm 15,0% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 150,7 triệu USD, chiếm 35,6% thị phần, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 6/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: đậu xanh đạt 15,0 triệu USD (chiếm 61,5%) tăng 32,5% so với cùng kỳ năm 2021; nhãn đạt 0,9 triệu USD (chiếm 3,7%), cao gấp 7,4 lần; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 06/2022 ước đạt 8,3 nghìn tấn với trị giá 24,1 triệu USD, giảm 44,2% về lượng và 43,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 42,8% về lượng và giảm 28,0% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

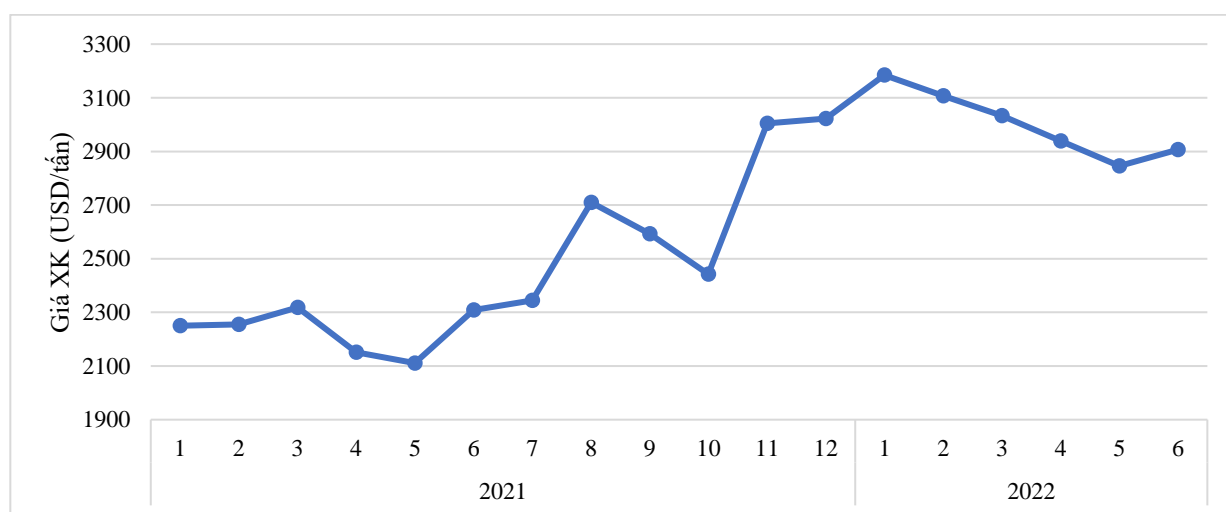
**Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 06/2022 đạt 2.907 USD/tấn, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước.

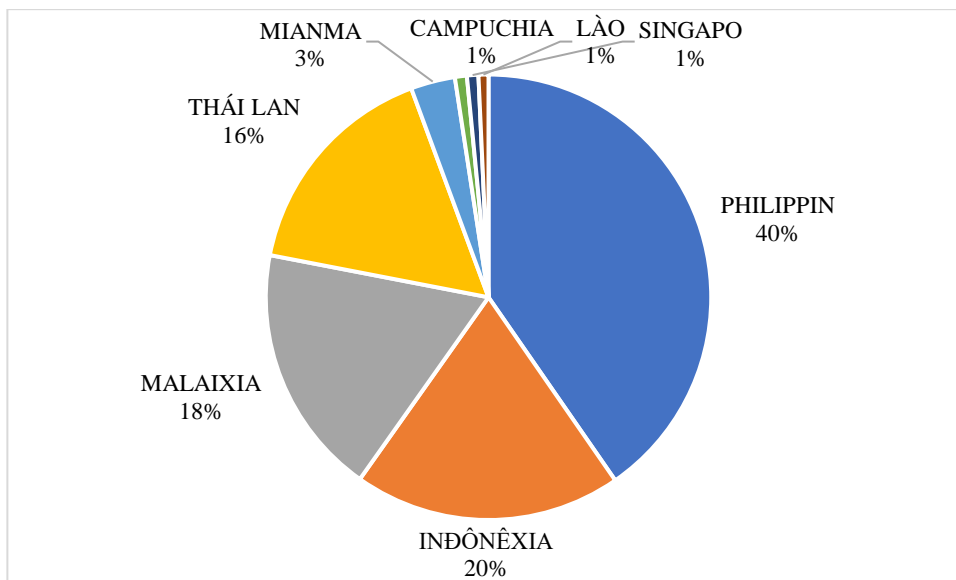
**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 06/2022, Philippines là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 9,7 triệu USD, chiếm 40,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Indonesia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 4,7 triệu USD, chiếm 19,4%. Tiếp theo là Malaysia, Thái Lan và Myanmar chiếm lần lượt 18,2%, 16,3% và 3,2% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

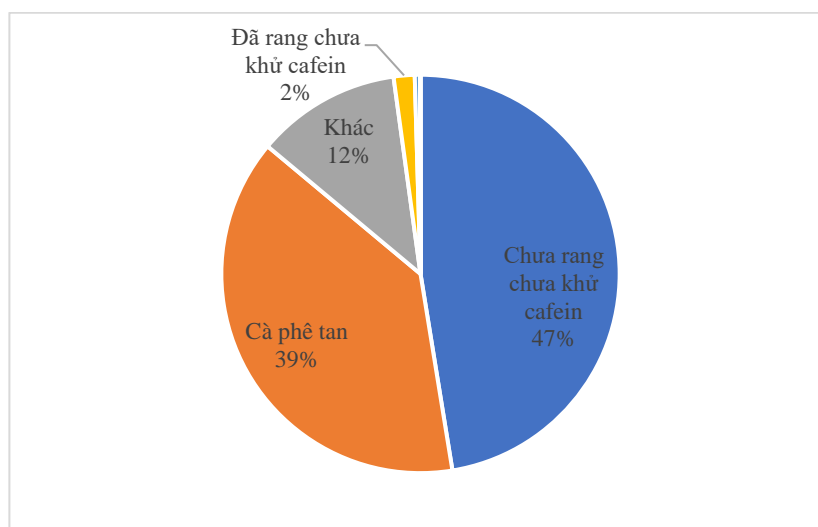
**Hình 8. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải Quan*

Trong tháng 06/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 11,4 triệu USD, chiếm 47,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 9,3 triệu USD, chiếm 38,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,7% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

**Hình 9. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang ASEAN**

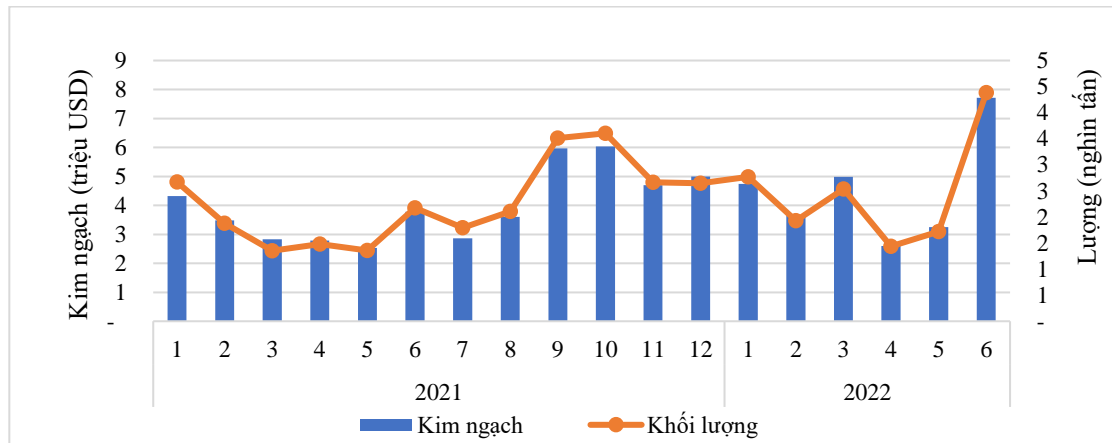


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 4,3 nghìn tấn với trị giá 7,7 triệu USD, tăng 155,1% về khối lượng và 137,2% về giá trị so với tháng trước, và tăng 101,7% về khối lượng và 103,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

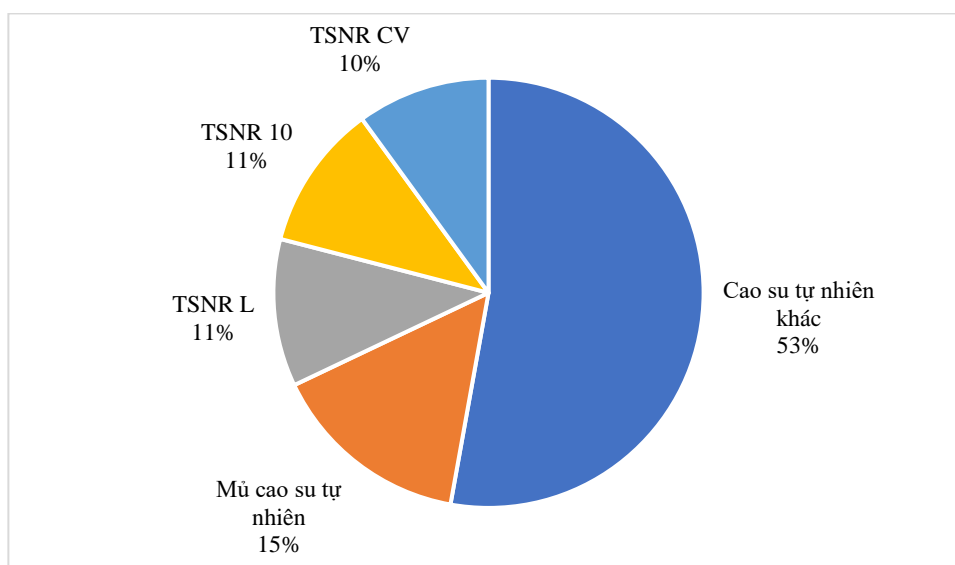
**Hình 10. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 06/2022, TRNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 2,9 triệu USD, chiếm 39,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 751 nghìn USD, chiếm 10,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và TSNR CV chiếm lần lượt 9,4% và 9,3% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

**Hình 11. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 6/2022**

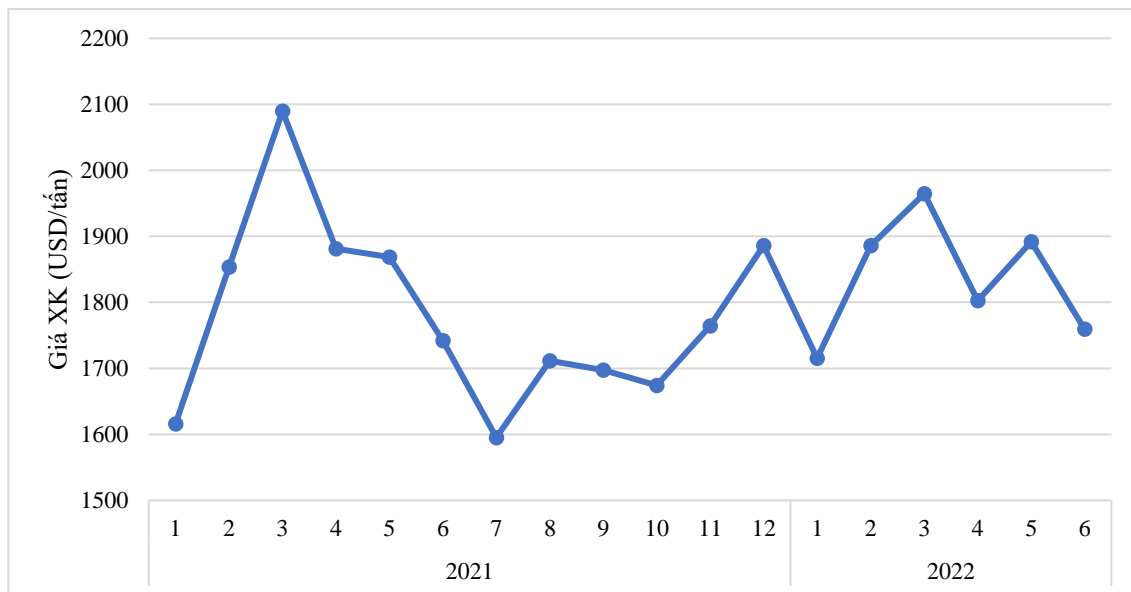


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN đạt mức 1.759 USD/tấn trong tháng 06/2022, giảm 7% so với tháng trước và tăng 1% so với cùng kỳ 2021.

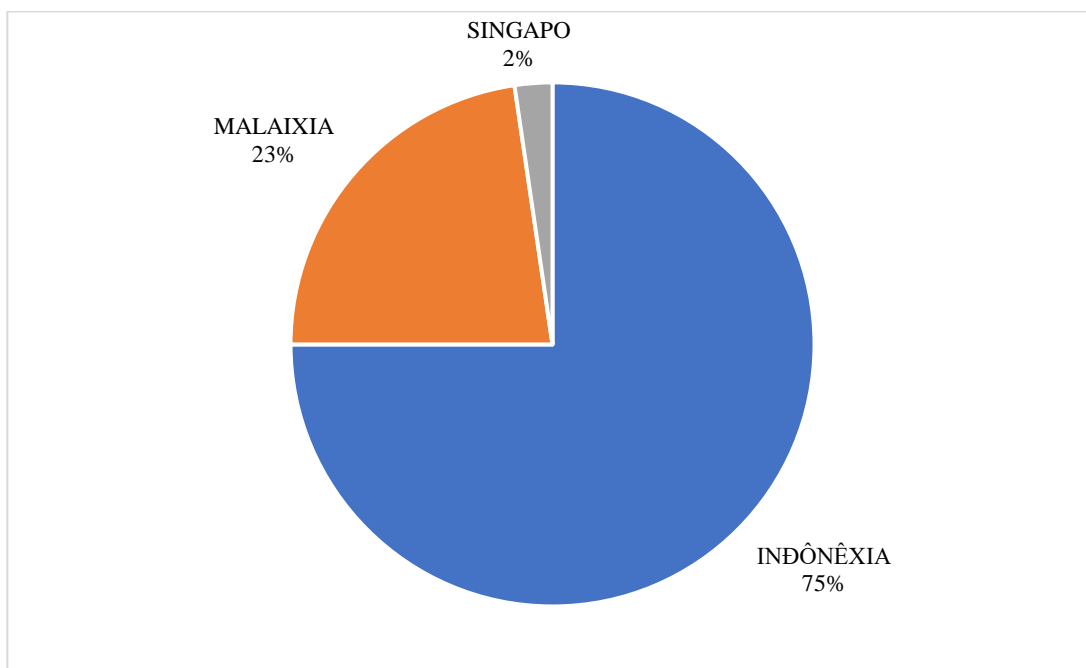
**Hình 12. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong khối ASEAN, tháng 06/2022, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 5,8 triệu USD, chiếm 75% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,7 triệu USD, chiếm 22,7%.

**Hình 13. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN**

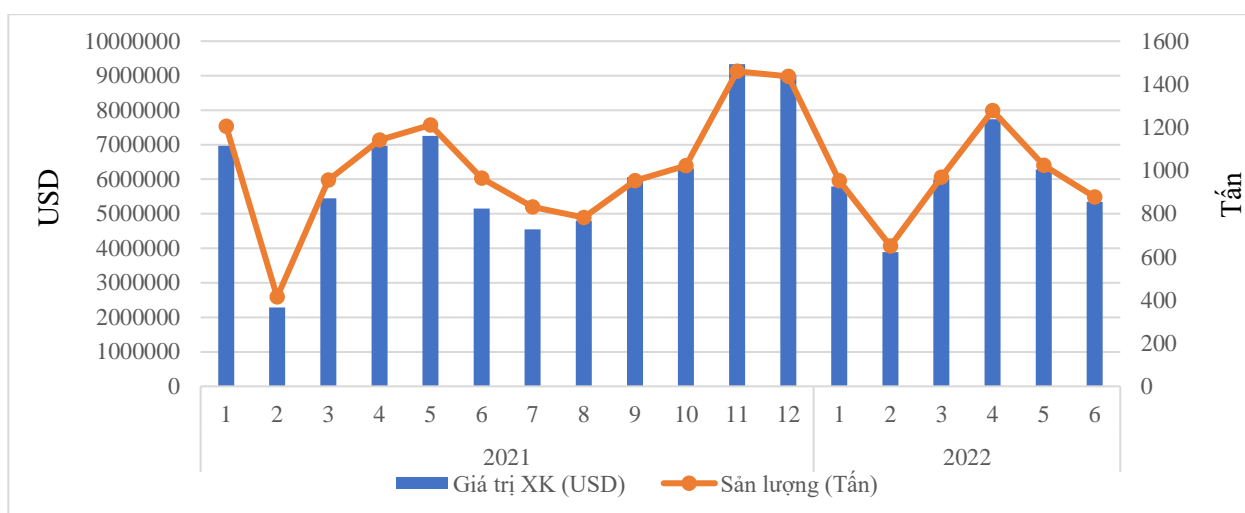


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 5. ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 878 tấn điều, trị giá 5,34 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 14,3% về khối lượng và 14,9% về giá trị so với tháng trước; giảm 9% về khối lượng nhưng tăng 3,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

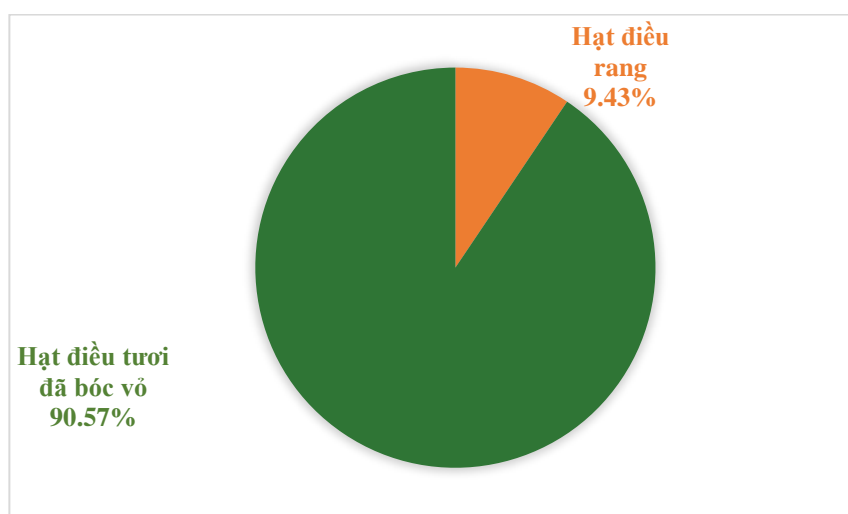
**Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 6/2022, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 90,57%, tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, đạt 6,5 triệu USD, giảm 16,4% so với tháng trước nhưng tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều rang chỉ chiếm khoảng 9,43%, đạt 0,7 triệu USD, tăng 68% so với tháng trước và 100% so với cùng kỳ năm trước.

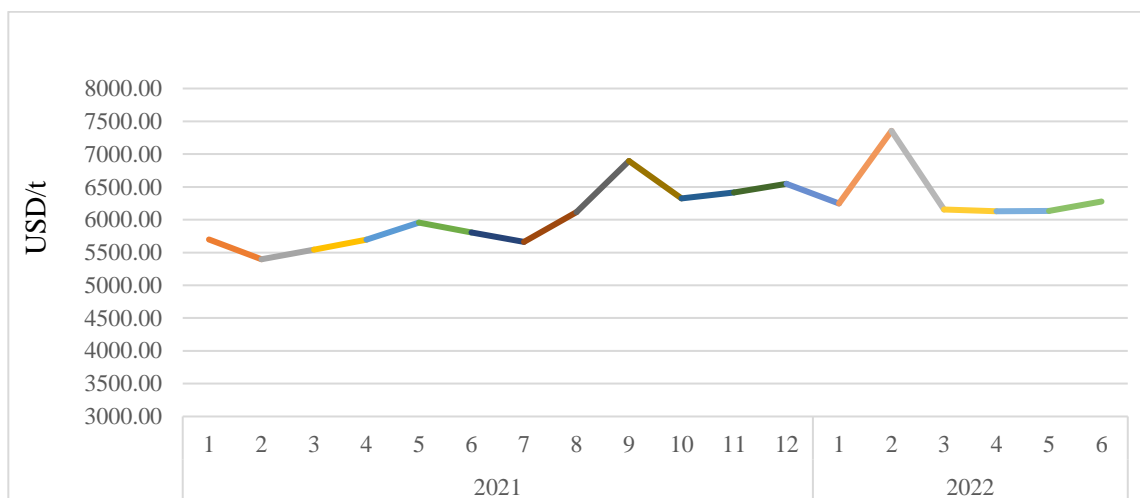
**Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường ASEAN tăng mạnh so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 6/2022 đạt 6.277 nghìn USD/tấn, tăng 2,3% so với tháng trước và 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN**

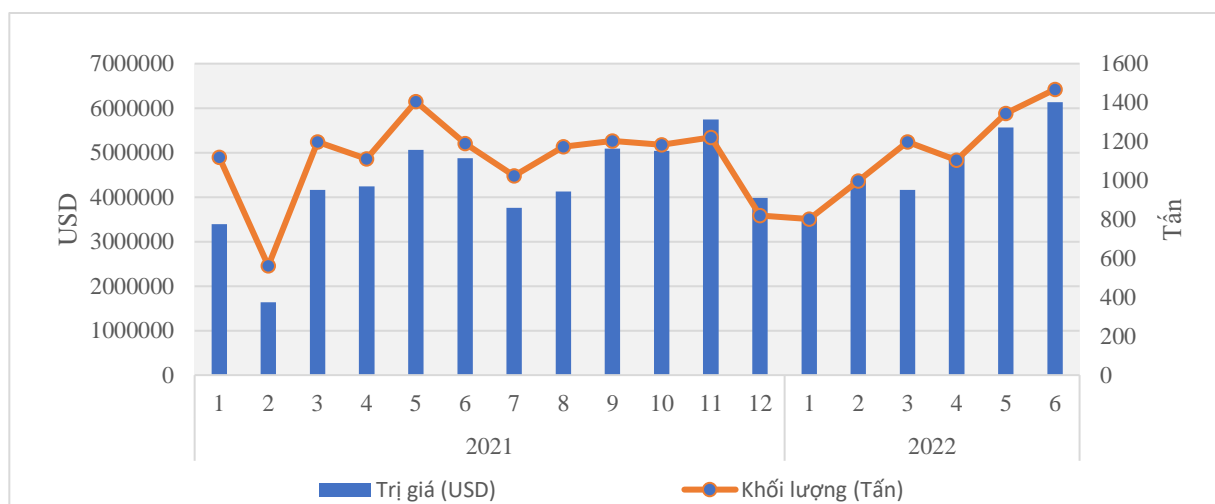


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN tăng trở lại trong tháng 6/2022, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này đạt 1.468 tấn hồ tiêu với trị giá 6,13 triệu USD, về khối lượng tăng 9,14% so với tháng trước và 23,36% so với năm trước, về giá trị tăng 10,14% so với tháng trước và 25,8% so với năm trước.

**Hình 17. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN**

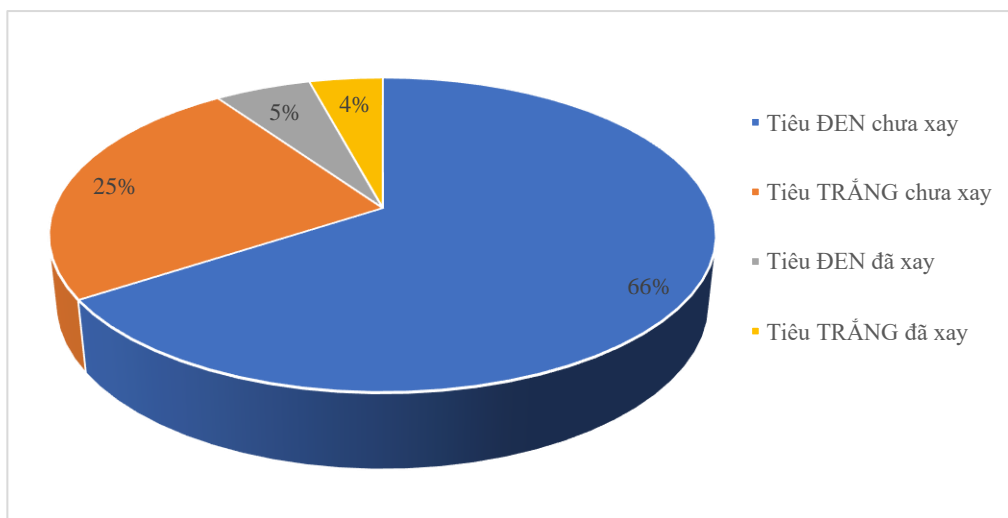


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 6/2022, tiêu đen chưa xay vẫn tiếp tục là loại sản phẩm chính của Việt Nam sang ASEAN, chiếm 66% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 21,05% so với năm trước và 46,83% so với tháng trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng

chưa xây, chiếm 25%, tăng 14,94% so với tháng trước và 5,79% so với cùng kỳ năm trước.

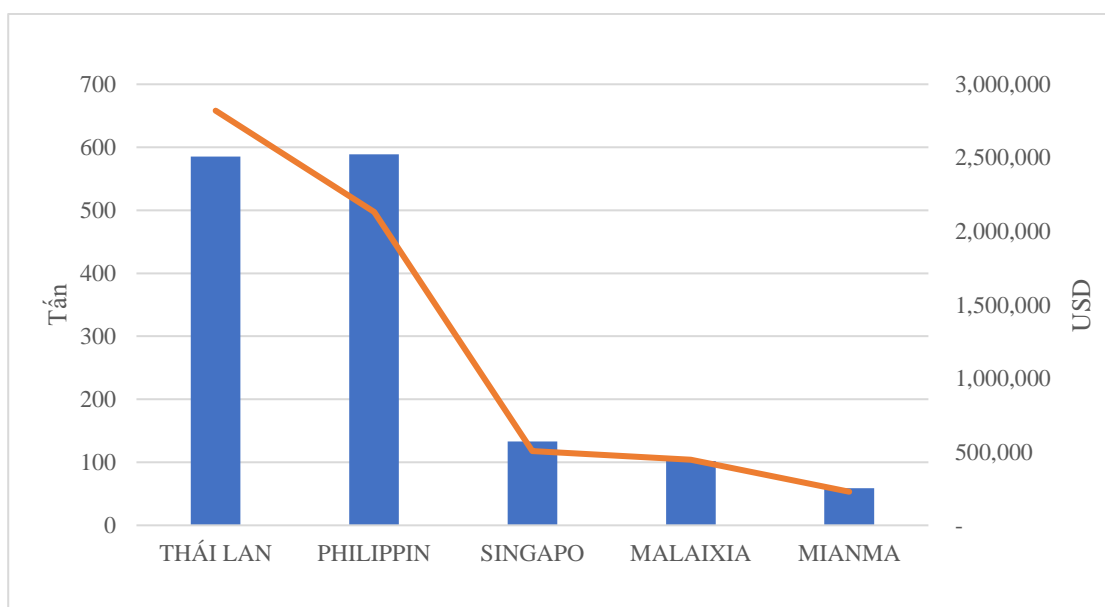
**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 6/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN trong tháng 6/2022 là Thái Lan với 585 nghìn tấn, đạt 2,82 triệu USD (chiếm 46%), đứng thứ 2 là Phillipin với 589 nghìn tấn, đạt 2,1 triệu USD (chiếm 34,8%). Thấp nhất là Mianma với 59 tấn, 228 nghìn USD (chiếm 3,7%).

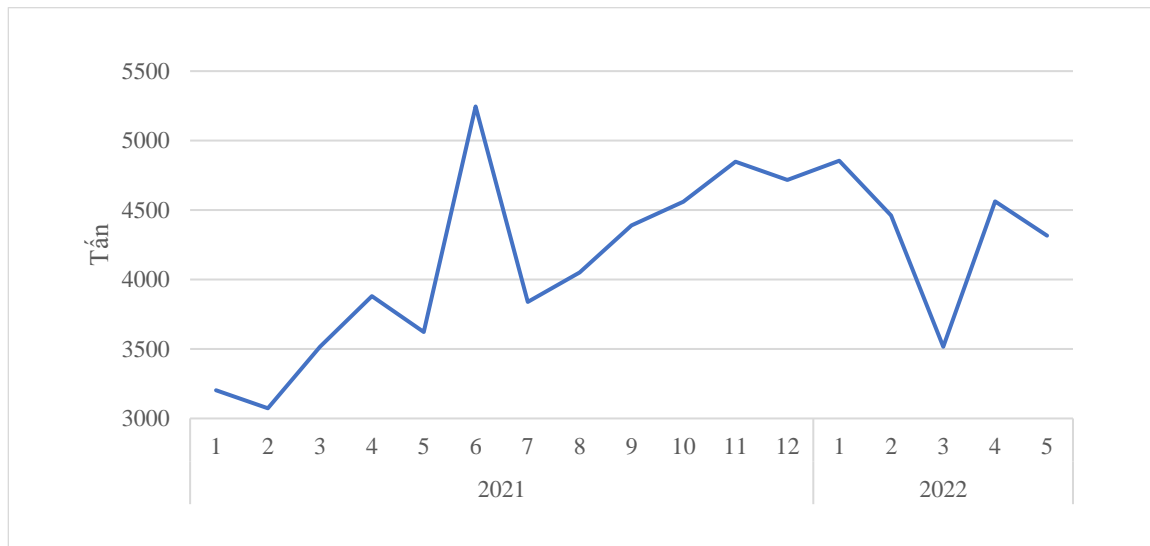
**Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 6/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 6/2022 giảm nhẹ về mức 4.096 USD/tấn, giảm 5,1% so với tháng trước và 21,9% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 20. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN**

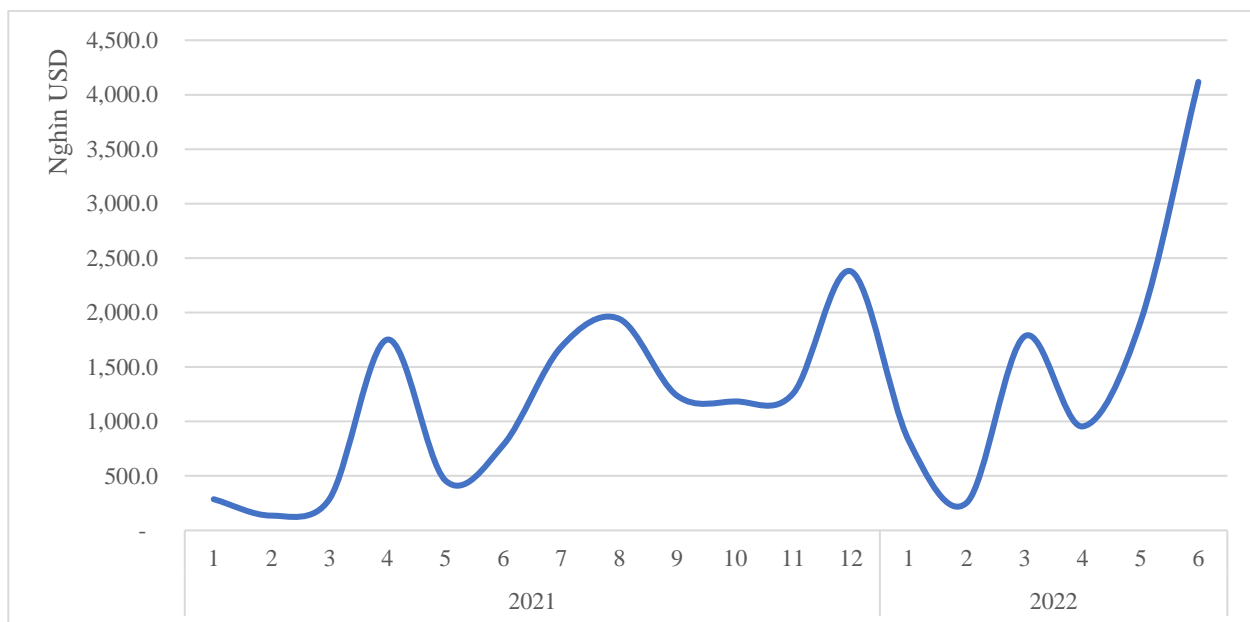


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

## 7. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Trong tháng 6/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN có xu hướng tăng giảm mạnh so với tháng trước đạt 4,1 triệu USD, tăng 427,6% so với cùng kỳ năm trước, và 115,3% so với tháng trước.

**Hình 21. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN**

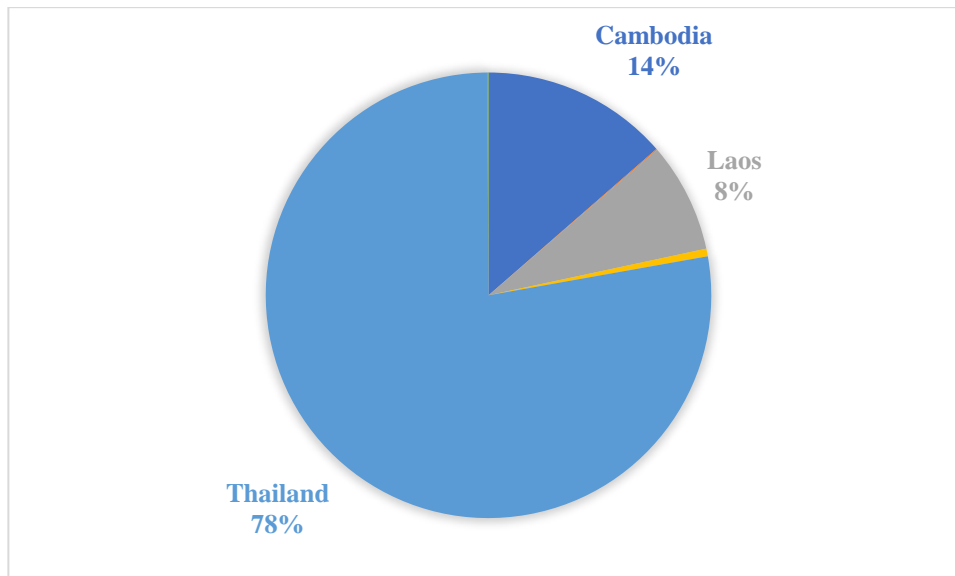


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh là sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 6/2022, chiếm tới 79,7%, đạt 3,2 triệu USD; lợn sống đạt 267,1 nghìn USD, chiếm 6,5%; gia cầm sống đạt 289,8 nghìn USD, chiếm 7,3%; thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v) đạt 60,2 nghìn USD, chiếm 1,5%...

Trong tháng 6/2022, Thái Lan là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 3,2 triệu USD chiếm 77,7% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Campuchia đạt 59,7 nghìn USD chiếm 13,6%.

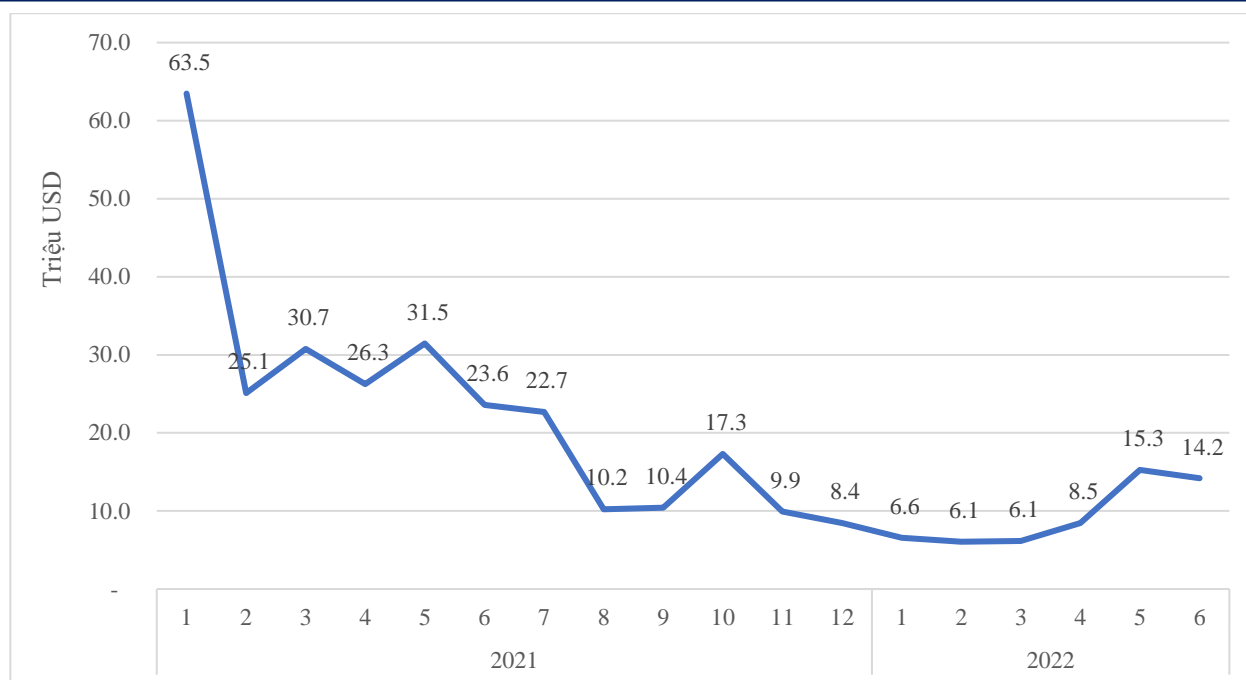
**Hình 22. Cơ cấu giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN tháng 6/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 5/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 14,2 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 39,9% so cùng kỳ năm trước, nhưng 7,1% so với tháng trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 6/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 89,9% đạt 12,7 triệu USD; gia cầm sống chiếm 9,2%, đạt 1,3 triệu USD.

**Hình 23. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

FAO cho biết Philippines sẽ là nhà nhập khẩu thịt heo lớn thứ 7 trên thế giới, trong khi Trung Quốc vẫn là người mua thịt heo hàng đầu thế giới với 3,854 triệu tấn. Cơ quan này cũng dự tổng lượng thịt nhập khẩu của Philippines trong năm nay có thể tăng 1,4% lên 948.000 tấn từ 935.000 tấn của năm ngoái. Trong khi đó, sản lượng thịt địa phương của nước này trong 2022 có thể tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước lên 2,823 tấn

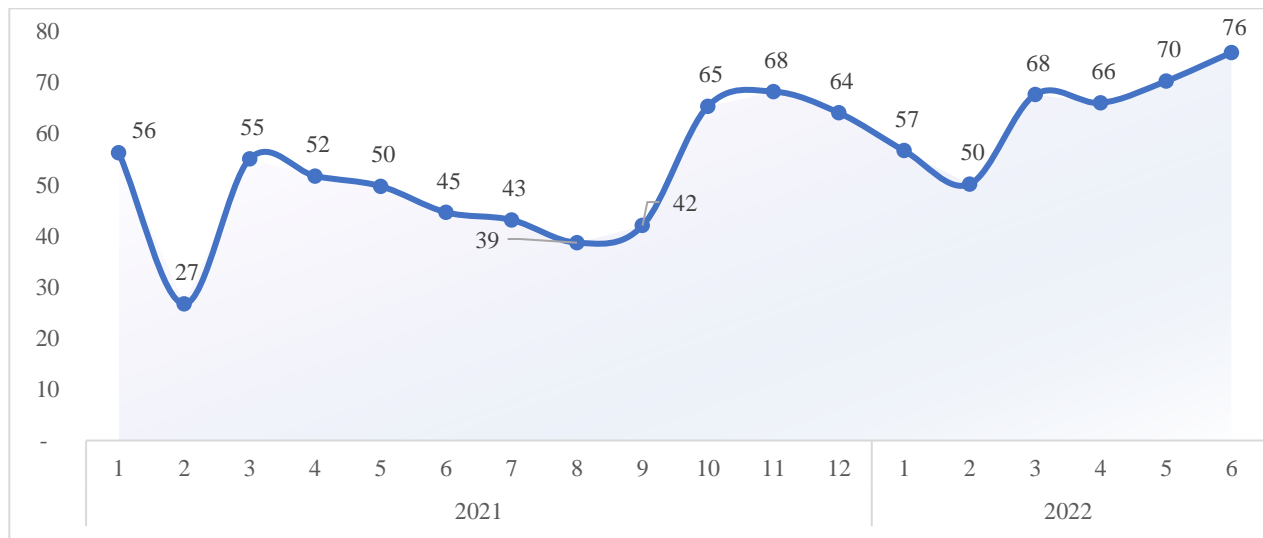
## 8. THỦY SẢN

Giá cá ngừ vằn nguyên liệu thô giao cho các nhà máy chế biến tại Thái Lan giảm, trong khi tại Ê-cu-a-đo vẫn ổn định. Giá CFR cá ngừ vằn giao tại Băng Cốc, Thái Lan trong tháng 5/2022 đã giảm khoảng 100 USD/tấn so với tháng 4/2022, xuống còn 1.800 USD/tấn. Giá cá ngừ vằn giao tại tàu (Ex-vessel) tại Manta, trung tâm chế biến chính tại Ê-cua-đo, ổn định ở mức 1.800 – 1.850 USD/tấn. Giá cá ngừ vằn tại Thái Lan giảm do sản lượng đánh bắt tại khu vực Tây Thái Bình Dương đang ở mức tốt, nên lượng cá ngừ cập cảng Băng Cốc cao. Tuy nhiên, với lệnh cấm đánh bắt bằng thiết bị dẫn dụ cá (FADs) sắp có hiệu lực vào đầu tháng 7/2022 và chi phí đầu vào tăng quá nhiều, giá cá ngừ nhiều khả năng sẽ tăng. Hiện các tàu tại khu vực Đông Nhiệt đới Thái Bình Dương còn 2 tháng để hoạt động cho tới khi lệnh cấm “veda” đầu tiên có hiệu lực. Một nửa đội tàu sẽ tạm ngưng hoạt động trong thời gian áp dụng lệnh cấm đầu tiên này.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 6/2022 đạt 75,9 triệu, tăng 70,1% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tính hết 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 386,9 triệu USD, tăng 36,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 24. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022**

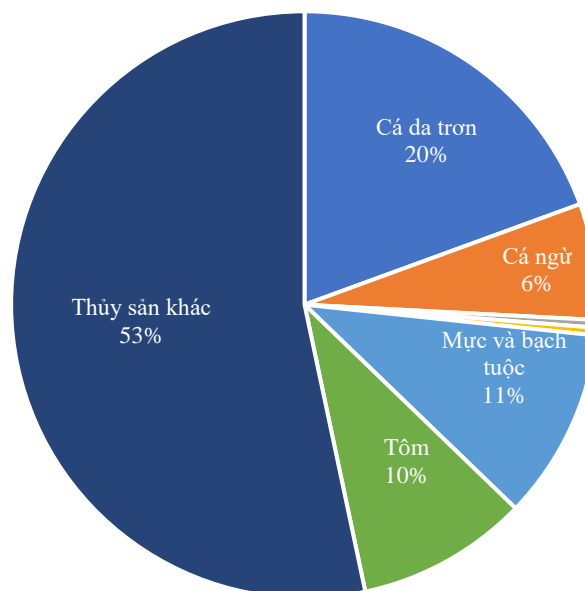
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da tron là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 5/2022, chiếm 19,4% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 10,5%; tôm chiếm 9,5%.

**Hình 25. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 6/2022**



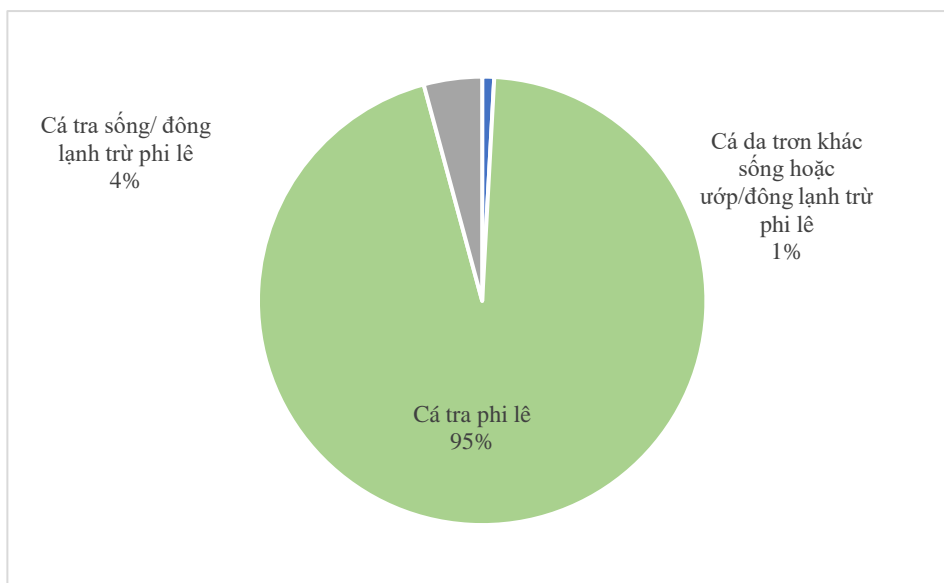
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 6/2022, cá da tron vẫn giữ được đà tăng trưởng tại thị trường này so với cùng kỳ năm trước nhưng có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước, đạt 14,8 triệu USD, tăng 92% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 7,7% so với tháng 5/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 14 triệu USD, chiếm 94,9% tăng 92,5% so với cùng kỳ năm



trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,6 triệu USD, chiếm 4,2%, tăng 74,7%; cá da trơn khác đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,9% và tăng 136,8%.

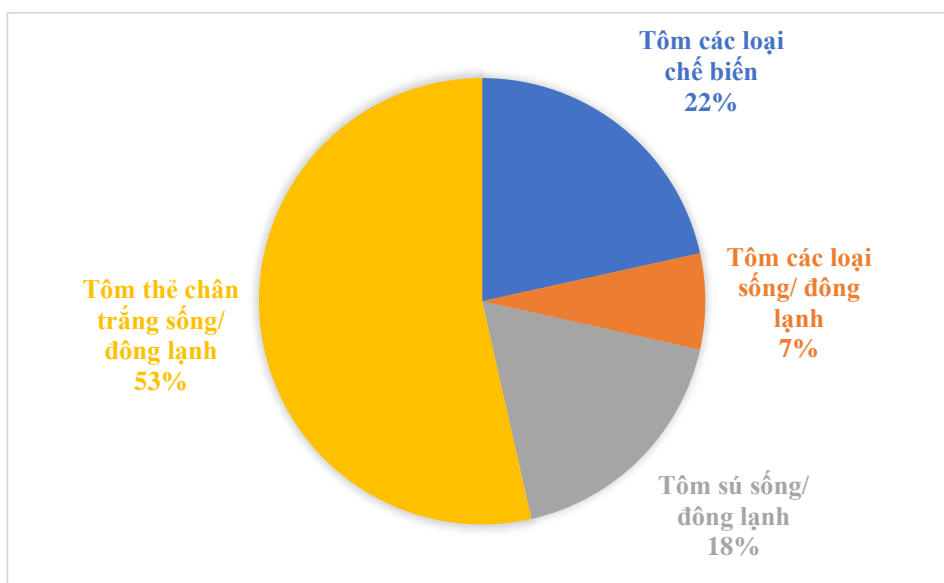
**Hình 26. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 6/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 7,2 triệu USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 3,8 triệu USD, chiếm 53,3% tổng giá trị sản phẩm tôm, tăng 89% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,5 triệu USD, chiếm 21,5%, tăng 85,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,3 triệu USD, chiếm 17,9%, tăng 18,8%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu, chiếm 6,9%, tăng 131,6%.

**Hình 27. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 6/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 6/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 8 triệu USD, chiếm 10,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản

sang thị trường này, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2021; cá nừ đạt 4,9 triệu USD, chiếm 6,4%, tăng 92,6%; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,4%, giảm 6,7%; cua ghe đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,4%, giảm tăng 94,1%; thủy sản khác đạt 40,5 triệu USD, chiếm 53,3% và tăng 73,3%.

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 6/2022 sang thị trường này đạt 2,2 USD/kg, tăng 35,7% so với cùng kỳ năm 2021; tôm đạt 5,7 USD/kg, tăng 8,1%; cá rô phi đạt 1,9 USD/kg, giảm 8,4%.

**Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 6/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,2	35,7%	-1,8%
2	Cá rô phi	1,9	-8,4%	-22,0%
3	Cua, ghe	5,5	-7,4%	2,1%
4	Mực và bạch tuộc	9,0	9,6%	8,9%
5	Tôm	5,7	8,1%	-2,3%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Lúa gạo

Trong nửa đầu năm 2022, nhập khẩu gạo của Philipin đã đạt khoảng 1,9 triệu tấn, tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Dự báo xu hướng này vẫn sẽ duy trì đến cuối năm nay. Nguyên nhân chính là do các nhà nhập khẩu tăng cường dự trữ do quan ngại sản lượng nội địa năm nay sẽ giảm vì giá phân bón tăng khiến người nông dân do dự đầu tư sản xuất. Việt Nam vẫn là nhà cung ứng gạo lớn nhất cho Philipin với khoảng 1,6 triệu tấn, tiếp đến là Myanmar với 154,0 nghìn tấn, Thái Lan với 95,2 nghìn tấn, Ấn Độ với 5,2 nghìn tấn, Trung Quốc khoảng 3,6 nghìn tấn.

### 2. Rau quả

Theo đại diện Thương vụ Việt Nam tại Malaysia chia sẻ tại phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường RCEP do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại các thị trường thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tổ chức ngày 8/6/2022, Malaysia đã gỡ lệnh cấm nhập khẩu ớt Việt Nam từ tháng 4-2021. Tuy nhiên, nếu muốn nhập khẩu vào Malaysia thì trái ớt của Việt Nam phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận các khu canh tác ớt riêng, đủ đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng ớt tại Malaysia và Trung Quốc rất lớn. Các đơn đặt hàng, nhu cầu tiêu thụ đặc biệt sản phẩm ớt đến Thương vụ nhiều nhưng chưa tìm được nguồn cung tại Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu của Malaysia. Do đó các doanh nghiệp và người trồng ớt nên liên hệ với Bộ NN&PTNT để triển khai sớm.

### 3. Điều

Theo số liệu Tổng cục Hải quan, 6 tháng đầu năm Việt Nam nhập siêu gần 7 tỷ USD từ các nước ASEAN, nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhập siêu từ thị trường này thời gian qua là do hầu hết hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai bên đều được hưởng ưu đãi với mức thuế quan 0% theo Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) hoặc hưởng một số ưu đãi đặc biệt hơn theo các Hiệp định/Thỏa thuận thương mại song phương với từng nước như Hiệp định Thương mại Việt Nam – Lào, Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia.

### 4. Cao su

Giá nhiên liệu tăng cao, lạm phát từ các quốc gia trên thế giới đã gây ra hệ lụy không nhỏ đến các ngành nghề. Ngành cao su cũng không nằm ngoài vòng xoáy bão giá và lạm phát. Giá nhiên liệu tăng, ảnh hưởng đến giá đầu vào của các khâu sản xuất cao su. Điều này đã tác động lớn đến các doanh nghiệp sản xuất, chế biến cao su xuất khẩu.

Theo đánh giá của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), ngành cao su phải đối mặt với nhiều thách thức trong những tháng cuối năm 2022 như sản phẩm bị cạnh tranh gay gắt, nguyên nhiên liệu, chi phí vận chuyển cũng tăng đồng loạt. Trong khi đó, giá mủ cao su lại có tốc độ tăng chậm hơn so với những chi phí này.

## PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 5/2022

Sản phẩm	Tháng 6/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T5/2022	Tăng /giảm so T6/2021	Tỷ trọng
Cà phê	24.115.715	-43,00%	-28,03%	5%
Cao su	7.709.119	137,21%	103,75%	2%
Chè	961.234	-8,17%	9,19%	0%
Gạo	201.048.469	2,01%	101,55%	42%
Gỗ và sản phẩm gỗ	27.277.201	-0,65%	30,38%	6%
Hàng rau quả	35.751.405	28,80%	92,92%	8%
Hàng thủy sản	75.669.520	8,45%	64,47%	16%
Hạt điều	5.342.717	-14,93%	3,82%	1%
Hạt tiêu	6.130.942	10,14%	25,80%	1%
Phân bón các loại	49.218.283	-28,78%	42,57%	10%
Sản phẩm từ cao su	5.715.996	-9,29%	7,62%	1%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.986.997	199,71%	275,79%	0%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	32.468.778	-6,91%	3,62%	7%
<b>Tổng</b>	<b>473.396.376</b>	<b>-3,68%</b>	<b>55,16%</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 6/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 6/2021		Tháng 6/2022		So sánh 2022/2021(%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	103.786	53.510.809	279.609	132.222.770	169,4%	147,1%
2	Gạo thơm	71.638	38.930.748	118.562	57.477.601	65,5%	47,6%
3	Các loại gạo khác	15.025	7.694.412	29.263	15.082.393	94,8%	96,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 6/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 6/2021	Tháng 6/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T1.2022/2021
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>18.678.216</b>	<b>36.563.190</b>	<b>95,8%</b>
	Sầu riêng	6.116.726	18.640.416	204,7%
	Chanh leo	841.647	2.940.887	249,4%
	Ớt	1.170.284	2.180.524	86,3%
	Thanh long	437.177	1.098.656	151,3%
	Dừa	1.011.244	1.041.178	3,0%
	Khoai lang	2.481.212	946.068	-61,9%
	Bưởi	29.960	727.795	2329,2%
	Khác	6.589.967	8.987.666	36,4%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 6/2022**

Mặt hàng	T6/2021 (USD)	T6/2022 (USD)	So sánh 2021/2022
Chưa rang chưa khử cafein	16.695.512	11.431.295	-31,53%
Cà phê tan	12.899.282	9.309.897	-27,83%
Khác	1.646.576	2.834.730	72,16%
Đã rang chưa khử cafein	268.390	410.888	53,09%
Chưa rang đã khử cafein		107.882	
Đã rang đã khử cafein		3.829	
<b>Tổng</b>	<b>31,509,760</b>	<b>24,098,520</b>	<b>-23.52%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 5/2022**

<b>Loại sản phẩm</b>	<b>Tháng 5/2022 (USD)</b>	<b>Tháng 5/2021 (USD)</b>	<b>So sánh 2022/21 (%)</b>
Cá da trơn	15.982.433,1	9.375.313,3	70,5%
Cá ngừ	4.882.874,0	4.246.526,0	15,0%
Cá rô phi	368.439,9	256.591,5	43,6%
Cua, ghẹ	85.432,0	188.557,5	-54,7%
Mực và bạch tuộc	8.100.087,1	6.754.897,0	19,9%
Tôm	6.567.808,8	4.143.871,2	58,5%
Thủy sản khác	34.337.560,9	24.801.061,9	38,5%
<b>Tổng</b>	<b>70.324.635,8</b>	<b>49.766.818,4</b>	<b>41,3%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*